

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+TD2+PVD2	7:25	7+3+12	0+0+0		0+1+15	0+0+0	
2		PVD2+RP3+RP1	9:25	22+0+0	0+0+0		10+1+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 NGUOI ĐI RP3 VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2018	TO: RP3 - P10 - PVD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO MẠNH HUNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
2	TRẦN BÌNH ĐỨC	RP3	30	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	DƯƠNG TRUNG CHUÔNG	RP3	31	1	5	30	72	KHI	Vietnamese
4	BUI HỒNG DƯƠNG	RP3	28	1	5		55	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VINH PHƯƠNG	RP3	24	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN THE ANH	RP3	27	1	4		67	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN MANH HA	RP3	25-26	2	7		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN XUAN QUY	RP3	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY KHIEM	PVD2	12	1	10		75	D-HANH	Vietnamese
10	CHRIS LA GRANGE	PVD2	23	1	10		100	KHOAN	Saudi Arabia
11	NGUYỄN HUY TU	PVD2	27-28	2	15	10	70	KHOAN	Vietnamese
12	DONALD LEE GAY	PVD2	15-16	2	17		150	KHOAN	American
13	LE KHAC KIEN	PVD2	24	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN NGOC QUY	PVD2	20-21	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NHAT MINH	PVD2	13	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH HUU KIEN	PVD2	14	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	BUI KIM DAT	PVD2	17	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
18	MAI QUOC MINH	PVD2	18	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
19	LE QUANG TRUONG	PVD2	22	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN DAC KIM	PVD2	19	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CHIEN THANG	PVD2	25	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG TRUNG	PVD2	26	1	5		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	8	36	544	30	0		
2	P10	0	0	0	0	18	5		
3	PVD2	14	17	125	1.076	10	15		
TOTAL		22	25	161	1.620	58	20		
WEIGHT KG				161	1.620	58			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/10/2018	TO: PVD2 - RP3 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - DTùng	ETA: 11:50
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO MINH THANH	PVD2	41	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THINH	PVD2	32	1	5	10	72	KHOAN	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	PVD2	42	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
4	LE NGOC MANH	PVD2	30	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VU TRUONG GIANG	PVD2	33-34	2	9		60	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN THANH	PVD2	35	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN HUNG	PVD2	40	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM MINH HOA	PVD2	43	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DINH HAO	PVD2	31	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGO QUYNH HAI	PVD2	55-56	2	17		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGO XUAN DIEN	PVD2	39	1	12		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG MAO	PVD2	46	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DINH THANH HAI	PVD2	44-45	2	17		60	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM NGUYEN THANH KHOA	PVD2	50-51	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUYET QUYNH	PVD2	47-49	3	17		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC NGHIA	PVD2	52-54	3	17		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN HUYEN	PVD2	37-38	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
18	VU HAI THANG	PVD2	36	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH PHU	PVD2	59-60	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG ANH DUNG	PVD2	57-58	2	12		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	20	31	215	1.384	10	10		
2	RP3	0	0	0	0	0	1		
3	RP1	0	0	0	0	20	11		
TOTAL		20	31	215	1.384	30	22		
WEIGHT KG				215	1.384	30			

GRAND TOAL: 1.629 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD2+P4	7:25	20+1+1	0+0+0		14+1+7	0+0+0	
2		P9+BK9+CLO	7:25	9+0+13	0+0+0		3+3+16	0+0+0	
3		JS2+TTC3+TD1	7:25	14+3+5	0+0+0		6+0+11	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ JS2-TTC3
4		PPD+P5+TTC2	9:25	15+3+4	0+0+0		7+2+6	0+0+0	
5		VSP01+BK10+CTK3+CLO	9:25	8+10+3+0	0+0+0+0		0+4+7+11	0+0+0+0	
6		CLO+RP2+RP3	9:25	15+2+5	0+0+0		13+3+5	0+0+0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2018	TO: TD1 - TD2 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLIUZHEV R.V	TD1	07	1	5	40	112	KHOAN	Russian
2	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	12	1	2	20	71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUY	TD1	13-14	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG HOANG KHANH	TD1	08	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	11	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUAN	TD1	05	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN HOÀN	TD1	06	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VĂN DUY	TD1	15	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1	17	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH HUU HUNG	TD1	09-10	2	18		61	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN MINH	TD1	16	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH TIẾN	TD1	18	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH VIỆT DUNG	TD1	22	1	4		55	DVL	Vietnamese
15	LAI ĐỨC HẠO	TD1	04	1	5		80	YTE	Vietnamese
16	BUI TUAN THANH	TD1	01	1	6		56	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN MINH	TD1					63	PSV	Vietnamese
18	ĐẶNG THẾ THANH	TD1					68	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC HUNG	TD1	02	1	3		75	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN ĐÌNH TỰ	TD1	03	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	IVANOV	TD2	24	1	4	15	97	ANTOAN	Russian
22	SAVELEV	P4	59	1	11		119	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	19	101	1.409	60	14		
2	TD2	1	1	4	97	15	1		
3	P4	1	1	11	119	0	7		
TOTAL		22	21	116	1.625	75	22		
WEIGHT KG				116	1.625	75			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2018	TO: P9 - BK9 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - ATUẤN - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LỘC	P9	57	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ VĂN MINH	P9	66	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	P9	67	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ QUY ĐÓN	P9	58	1	5	50	70	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TOÀN	P9	62	1	8		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY GIANG	P9	65	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHIẾN	P9	59	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUY THUẬN	P9	60-61	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	P9	63-64	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
10	VOROBIEV S.L	CLO	61	1	7		92	KHOAN	Russian
11	ZHIGALO	CLO	60	1	7		100	KHOAN	Russian
12	DATSKO P.D	CLO	59	1	10		102	KHOAN	Russian
13	TRỊNH DUY THANH	CLO	63	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG THANH	CLO	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	57	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TIỀN SINH	CLO	63	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ NGỌC LUAN	CLO					78	KHOAN	Vietnamese
18	MAI VĂN HỘI	CLO					70	KHOAN	Vietnamese
19	CHU ĐỨC AI	CLO	54-55	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG THAI ANH	CLO	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	ĐO HUY BÌNH	CLO	53	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	58	1	6		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	9	11	88	623	50	3		
2	BK9	0	0	0	0	20	3		
3	CLO	13	12	70	1.020	0	16		
TOTAL		22	23	158	1.643	70	22		
WEIGHT KG				158	1.643	70			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2018	TO: JS2 - TTC3 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN CHUONG	JS2	84	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
2	SUBBURAJ MANOHAR	JS2	85	1	7		81	KHOAN	Indian
3	ERIC TOH MING CHIER	JS2	82	1	13	15	61	KHOAN	Singapore
4	LUONG THANH TUNG	JS2	78-79	2	13	67	61	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM MINH NGOC	JS2	96-97	2	12	12	67	KHOAN	Vietnamese
6	LE DINH DAN	JS2	80	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN CHINH CUONG	JS2	95	1	18	85	71	KHOAN	Vietnamese
8	TO CONG TANH	JS2	81	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
9	ARUNAGIRINATHAN SENTHIL KUMAR	JS2	87	1	16		94	KHOAN	Indian
10	KANNAN RAJESH	JS2	91-92	2	7		77	KHOAN	Indian
11	INDURAJITH VEERAPANDIAN	JS2	93-94	2	10		64	KHOAN	Indian
12	MICHAEL INBAM RAJKABUR	JS2	89-90	2	7		68	KHOAN	Indian
13	RAMU NARARAJAN RAGHU	JS2	88	1	7		73	KHOAN	Indian
14	NGUYEN NAM HAI	JS2	98-99	2	11		72	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUY MANH	TTC3	97	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAM VAN QUANG	TTC3	96	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUY TAI	TTC3	78	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN SY	TD1					55	PSV	Vietnamese
19	LE XUAN TINH	TD1					68	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN TAI	TD1	19	1	4		69	PSV	Vietnamese
21	ĐINH KHÁC THẠCH	TD1					61	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN BA HUNG	TD1	18	1	8		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	14	20	135	996	179	6	4	CHUYEN 4 PAX TU JS2 SANG TTC3
2	TTC3	3	3	24	206	0	0		
3	TD1	5	2	12	306	0	11		
TOTAL		22	25	171	1.508	179	17		
WEIGHT KG				171	1.508	179			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2018	TO: PPD - P5 - TTC2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	PPD	91	1	13		72	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TOÀN	PPD	77	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	PPD	65-66	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG ANH THÂN	PPD	85-86	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG XUÂN THĂNG	PPD	83-84	2	20	46	71	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TÂN	PPD	75-76	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO QUANG THANH	PPD	70-71	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG ĐÌNH VINH	PPD	67-69	3	15		66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD	72,74	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG ĐÌNH	PPD	78-79	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN GIÁP	PPD	81-82	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẦN XUAN HUY	PPD	89-90	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐOÀN XUÂN PHONG	PPD	73	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN DOÀN ĐOÀN	P5	61	1	11	20	62	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN NGỌC	P5	62-63	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
16	LE HONG KY	P5	60	1	7		57	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN SỸ	TTC2	95-96	2	14	20	75	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM MINH VU	TTC2	97-98	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐẠT	TTC2	91-92	2	8		63	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VĂN QUANG	TTC2	93-94	2	13		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	24	217	884	46	10		THAO 1 GHE DOI DE CHO HANG
2	P5	3	4	38	174	20	2		
3	TTC2	4	8	55	286	20	6		
TOTAL		20	36	310	1.344	86	18		
WEIGHT KG				310	1.344	86			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2018	TO: VSP01 - BK10 - CTK3 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hạnh - ATUẤN - THỤ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN THỊNH LƯƠNG	VSP01					67	XNKT DK	Vietnamese
2	NGÔ ĐỨC HIỀN	VSP01					67	XNKT DK	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HẠNH	VSP01	20	1	3		65	XNKT DK	Vietnamese
4	VU MINH ĐỨC	VSP01	21	1	3		58	PH VTCN-V	Vietnamese
5	NGUYỄN THỤY HAI	VSP01	36	1	4		74	CHI CỤC Đ	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG KHANH	VSP01	35	1	7		83	CHI CỤC Đ	Vietnamese
7	LE VĂN HẬU	VSP01					78	LONG VU	Vietnamese
8	VU VĂN NHẬT	VSP01	34	1	10		68	LONG VU	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRỌNG	BK10	62-63	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
10	VU CHÍ CÔNG	BK10	60	1	8	52	56	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HỒNG LINH	BK10	61	1	7	75	80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TRI	BK10	64	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO MINH ĐỨC	BK10	52	1	4		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HOANG	BK10	53	1	10		54	TRUONG V	Vietnamese
15	TRAN THE ANH	BK10	54	1	10		51	TRUONG V	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LINH	BK10	55,65	2	19		84	TRUONG V	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DẦU	BK10	56-57	2	13		61	TRUONG V	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THÔNG	BK10	58	1	11		58	TRUONG V	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHONG	BK10	59	1	9		57	TRUONG V	Vietnamese
20	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	29,30	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	28	1	5	17	68	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG QUOC VU	CTK3					65	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	8	5	27	560	0	0		
2	BK10	11	14	116	718	127	4		
3	CTK3	3	3	22	213	17	7		
4	CLO	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	22	165	1.491	144	22		
WEIGHT KG				165	1.491	144			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2018	TO: CLO - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC QUÂN	CLO	08	1	11		80	CODIEN	Vietnamese
2	MAKAROV	CLO	07	1	5		94	ANTOAN	Russian
3	LÀ QUY DANH	CLO	14	1	5		64	DVL	Vietnamese
4	TRƯỜNG ĐÌNH VỊNH	CLO	16	1	9		78	DVL	Vietnamese
5	VU VĂN TRUNG	CLO	15	1	13		75	DVL	Vietnamese
6	DƯƠNG VĂN THẠCH	CLO	02	1	5		73	PSV	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HẬU	CLO	13	1	6		53	PSV	Vietnamese
8	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	04	1	3		58	PSV	Vietnamese
9	HOÀNG HỮU THỌ	CLO	01	1	3		74	PSV	Vietnamese
10	LÊ PHƯỚC ĐỨC	CLO	12	1	6		70	PSV	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN THƯ	CLO	03	1	4		68	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN HÙNG	CLO	05	1	4		60	PSV	Vietnamese
13	PHẦN MINH TUÂN	CLO	06	1	4		74	PSV	Vietnamese
14	LÊ QUANG HÀ	CLO	11	1	7		73	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TOÀN THẮNG	CLO	09-10	2	12		71	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ VŨ QUANG LÂM	RP2	47	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ TIẾN PHÁT	RP2	48	1	10	15	68	XAYLAP	Vietnamese
18	VU VĂN TOÀN	RP3	29	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC HÙNG	RP3	82	1	3	7	79	D-HANH	Vietnamese
20	KYREEV	RP3	81	1	6		90	D-HANH	Russian
21	TRẦN KHOA TRƯỜNG	RP3	80	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
22	LÊ XUÂN HƯƠNG	RP3	83	1	17		55	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	15	16	97	1.065	0	12		
2	RP2	2	2	18	126	15	4		
3	RP3	5	5	36	369	7	5		
TOTAL		22	23	151	1.560	22	21		
WEIGHT KG				151	1.560	22			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN